

Bản án số: 162/2021/HS - ST

Ngày: 06- 4- 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Khắc Kiêm

Ông Nguyễn Văn Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Minh Phương - Thư ký Tòa án TP Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát ND Thành phố Thanh Hoá tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Thị Ngọc An - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 175/HSST ngày 24 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2021/QĐXXST-HS ngày 25/3/2021 đối với các bị cáo:

1. Lại Văn C - sinh năm 1993 tại Thanh Hóa. Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lại Văn C3 và bà Lê Thị T; Tiền án, tiền sự: chưa; tạm giữ: ngày 13/11/2020, tạm giam: ngày 19/11/2020 tại trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa, “có mặt”.

2. Trần Thị Ngọc M - sinh năm 1991 tại Thanh Hóa. ĐKKH: N, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở: T, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn T2 (đã mất) và bà Lê Thị S; chồng: Nguyễn Xuân M (đã ly hôn) và 02 con; Tiền án, tiền sự: chưa; tạm giữ: 13/11/2020 đến ngày 19/11/2020 thay thế biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú, “có mặt”.

3. Nguyễn Văn C2 - sinh năm 1991 tại Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12 dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn L và bà Hoàng Thị P; Tiền án, tiền sự: chưa; bị cáo tại ngoại, “có mặt”.

Bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị H - SN 1980 “vắng mặt”
Trú tại: C, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.
2. Chị H Thị G - SN 1985 “vắng mặt”
Trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa
3. Chị Nguyễn Thị N - SN 1987 “vắng mặt”
Trú tại: phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu sài cá nhân C và M đã bàn bạc cùng nhau đi đến những nơi tập T đông người tìm sơ hở để trộm cắp xe máy. Khoảng 16h30’ ngày 30/10/2020, Trần Thị Ngọc M sử dụng xe máy nhãn hiệu Honda Cup50 màu xanh (M mua trên mạng xã hội zalo không rõ BKS) chở Lại Văn C mang theo 01 van phá khóa bằng kim loại đi từ phòng trọ ở xã L, thành phố T đi dọc các tuyến đường để trộm cắp tài sản. Đến khoảng 18h00’ cùng ngày khi đi đến chợ tạm thuộc khu công nghiệp L, phường Q, thành phố T, cả hai phát hiện có 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ đen bạc BKS: 36B5-532.42 dựng ở dưới lòng đường không có người trông coi. Cả hai thống nhất lấy trộm chiếc xe này. Sau đó M đứng quan sát, C giới bên ngoài cho C sử dụng van phá khóa lấy trộm xe. Sau khi phá được khóa lấy được chiếc xe, C đi xe về phòng trọ của mình rồi tháo BKS 36B5 - 532.42 vứt đi rồi lắp BKS 36B5 - 707.90 vào (BKS này C nhặt được ở khu công nghiệp H, thành phố T trước đó), sau khi thay BKS của xe mô tô C kiểm tra trong cốp xe thấy có 01 đăng ký xe, 01 thẻ bảo hiểm, 02 thẻ ngân hàng đều mang tên Nguyễn Thị H và 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Lê Thị A. C đưa tất cả giấy tờ trên cho M cất giữ.

Ngày 01/11/2020, chị Nguyễn Thị H đến Công an phường Q, Thanh Hoá trình báo sự việc.

Ngày 13/11/2020, Lại Văn C và Trần Thị Ngọc M đến CQCSĐT - Công an thành phố Thanh Hóa đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản của mình. Đồng thời Trần Thị Ngọc M giao nộp: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ đen bạc BKS 36B5-707.90; 01 đăng ký xe mô tô số 206676; 01 thẻ bảo hiểm y tế; 02 thẻ ngân hàng Agribank đều mang tên Nguyễn Thị H; 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Lê Thị A. Lại Văn C giao nộp: 01 bộ van phá khóa bằng kim loại màu đen, quần băng dính đen bên ngoài, tay công hình chữ L, dài 12cm, đầu van hình lục giác (một đầu nhọn); 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia đen trắng bị vỡ màn hình có lắp 02 thẻ sim.

Căn cứ lời khai của C và M Cơ quan CSĐT Công an thành phố Thanh Hóa đã xác minh, tra cứu BKS: 36B5-707.90 C khai nhận được ở khu công nghiệp H, thành phố T là BKS đăng ký chính chủ của anh Nguyễn Văn T, SN 1985, trú tại xã Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa, hiện nay anh T vẫn sử dụng chiếc xe máy gắn BKS: 36B5-707.90.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 305/KL-HĐĐGTS, ngày 16/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thanh Hóa kết luận chiếc xe mô tô Wave nhãn hiệu Honda màu đỏ, đen, bạc; BKS: 36B5 - 532.42; ĐKLD: 05-01-2017 có giá trị: 11.000.000đ.

Đối với BKS: 36B5-532.42 do lúc C vứt đi không nhớ địa điểm nên Cơ quan CSĐT không có căn cứ để truy tìm.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Cup50 màu xanh(không rõ biển số) là phương tiện M chở C đi thực hiện hành vi trộm cắp. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội M đã mang xe đi bán cho một người không quen biết. Do đó Cơ quan CSĐT không thu hồi được để xử lý.

Ngày 30/12/2020, cơ quan C sát điều tra Công an thành phố Thanh Hóa đã trả lại tài sản cho chị H gồm: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ, đen, bạc số khung: 125XFY407679, số máy HC12E7407728; 01 đăng ký xe mô tô số 206676; 01 thẻ bảo hiểm y tế; 02 thẻ ngân hàng đều mang tên Nguyễn Thị H và 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Lê Thị A, chị H không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

Ngoài hành vi trên, C và M còn khai nhận đã thực hiện 02 hành vi trộm cắp tài sản khác như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 12h00' ngày 09/11/2020, C và M mang theo van phá khóa đi xe taxi đến khu vực cầu L, phường Đ, thành phố T rồi xuống đi bộ, khi đến cửa hàng Spa H ở L, phường Q, thành phố T phát hiện có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave an pha màu xanh, BKS 36B3- 491.43 là xe của chị H Thị G đang dựng trước cửa hàng. M và C quan sát thấy xung quanh không có người, cả hai thống nhất lấy trộm. M đứng C giới cho C để C dùng van phá khóa. Sau khi phá được khóa C điều khiển xe chở M chạy về hướng ga N, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Trên đường đi C dùng xe kiểm tra trong cốp xe và thấy có 01 giấy phép lái xe, 01 đăng ký xe máy, 01 chứng minh nhân dân và 02 thẻ ngân hàng và 02 đồng hồ thông minh nhãn hiệu Miband5 màu đen, nghĩ là tài sản không có giá trị nên C đã vứt đi. Khi về đến phòng trọ M dùng điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen của M để truy cập vào mạng xã hội Zalo tìm người mua xe máy thì được một người đàn ông không quen biết hỏi mua chiếc xe máy trên. M gọi điện cho C đem chiếc xe máy đến gần cổng khu công nghiệp H, TP. T bán chiếc xe máy BKS:

36B3: 491.43 được 2.500.000đ. Số tiền này C và M sử dụng vào mục đích tiêu sài cá nhân hết.

Đến 13h cùng ngày chị H Thị G phát hiện chiếc xe của mình bị mất nên trình báo vụ việc đến Công an phường Q, thành phố T, vụ việc được chuyển cơ quan CSĐT Công an thành phố Thanh Hóa, cơ quan CSĐT Công an thành phố Thanh Hóa tiến hành ra thông báo truy tìm vật chứng.

Tại kết luận định giá tài sản số 308/KL-HĐĐGTS, ngày 17/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thanh Hóa kết luận: 01 xe mô tô Honda Wave alpha màu xanh BKS: 36B3-491.43 có giá trị tại thời điểm định giá là: 9.000.000đ; 02 đồng hồ thông minh nhãn hiệu Mi Band5 màu đen có giá trị tại thời điểm định giá là: 1.980.000đ. Tổng giá trị tài sản là: 10.980.000đ.

Ngày 27/01/2021 Công an xã H, thành phố T phát hiện 01 xe máy Honda Wave alpha màu xanh số khung: DY084555, số máy SM: 12^E5084419 để tại đường D, thôn H, xã H, thành phố T không có người trông coi nên đã thu giữ và bàn giao cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố Thanh Hóa theo thông báo truy tìm vật chứng đã nhận được.

Ngày 01/02/2021, cơ quan C sát điều tra Công an thành phố Thanh Hóa đã trả lại chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu xanh số khung: DY084555, số máy SM: 12^E5084419 cho chị Hà Thị G. Chị G đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về phần dân sự đối với tài sản tài sản không thu hồi được.

Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo màu đen mà Trần Thị Ngọc M sử dụng làm phương tiện để liên lạc bán xe, do M đã bán cho một cửa hàng không quen biết, không nhớ địa chỉ nên Cơ quan CSĐT không thu giữ được.

Đối với số tài sản gồm giấy tờ các nhân và 02 đồng hồ thông minh, C và M vứt trên đường đi, cả hai không nhớ địa điểm đã vứt nên Cơ quan CSĐT không xác định được địa điểm đã vứt để truy tìm.

Vụ thứ hai: Chiều ngày 10/11/2020, tại nhà nghỉ D, phường Đ, thành phố T, C và M rủ Nguyễn Văn C2, sinh năm 1991 ở thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa là bạn cùng thôn với C đi trộm cắp tài sản, C2 đồng ý. Đến khoảng 19h00' cùng ngày, C2 sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen, đỏ BKS 36F1-050.44 chở C và M đem theo van phá khóa, khi đến khu vực chợ tạm thuộc khu công nghiệp L, phường Q, thành phố T thì cả nhóm phát hiện thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave màu xanh, BKS 36B5 - 392.24 là xe của chị Nguyễn Thị N đang dựng ở lòng đường. Cả nhóm quan sát thấy xung quanh không có người. Sau đó M và C2 đứng quan sát, C giới còn C sử dụng van phá khóa lấy xe máy. Sau khi lấy được chiếc xe mô tô M đăng thông tin bán chiếc xe trên mạng xã hội Zalo và có một người đàn ông không quen biết sử dụng tài khoản Zalo có tên là “Bình” dùng số điện thoại: 0989429778 hỏi mua xe và yêu cầu mang xe ra khu vực gần

siêu thị B, phường Đ, thành phố T để mua bán. Sau đó M nói với C đem xe tới điểm hẹn đã hẹn. Cạnh mang xe đến khu vực B gặp người đàn ông không quen biết và bán cho người này chiếc xe với giá 3.000.000đ. Số tiền bán xe C và M chia cho C2 1.000.000đ, số tiền còn lại C và M sử dụng vào mục đích tiêu sài cá nhân.

Tại kết luận định giá tài sản số 309/KL-HĐĐGTS, ngày 17/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thanh Hóa kết luận: 01 xe mô tô Honda Wave alpha màu xanh BKS 36B5 - 392.24 có giá trị tại thời điểm định giá là: 13.000.000đ.

Căn cứ lời khai của C và M, cơ quan CSĐT Công an thành phố Thanh Hóa đã tiến hành triệu tập đối với Nguyễn Văn C2. Tại cơ quan CSĐT Công an thành phố Thanh Hóa, Nguyễn Văn C2 đã thừa nhận việc bản thân đã cùng với Lại Văn C và Trần Thị Ngọc M đã thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô BKS 36B5 - 392.24 tại khu vực chợ tạm khu công nghiệp L, phường Q, thành phố T vào chiều ngày 10/11/2020. Đồng thời C2 tự giác giao nộp xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen, đỏ BKS 36F1-050.44 là phương tiện C2 chở C và M đi thực hiện hành vi trộm cắp, kèm theo 01 đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn C2.

Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Thanh Hóa đã tiến hành xác minh người mua chiếc xe mô tô BKS36B5 - 392.24 thông qua số điện thoại 0989429778. Kết quả xác minh xác định có chủ thuê bao của số điện thoại trên là Lê Thị Ngọc A, SN 1994, trú tại: thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Tại thời điểm xác minh chị Lê Thị Ngọc A đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản từ tháng 6 năm 2019 đến nay chưa về. Do đó, cơ quan CSĐT không thể xác định được người sử dụng số điện thoại trên.

Quá trình điều tra chị Nguyễn Thị N chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe Wave alpha màu xanh BKS 36B5 - 392.24 đề nghị yêu cầu các đối tượng đã chiếm đoạt xe của chị bồi thường thiệt hại giá trị xe như hội đồng định giá đã định là số tiền 13.000.000đ.

Về vật chứng: 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ, đen BKS 36F1-050.44; 01 bộ van phá khóa bằng kim loại màu đen hình chữ L; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia đen trắng bị vỡ màn hình. Cơ quan điều tra chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự để xử lý theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 70/CT-VKS ngày 23 tháng 02 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá truy tố Lại Văn C, Trần Thị Ngọc M và Nguyễn Văn C2 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị HĐXX:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17, Điều 58 BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo C từ 27 đến 30 tháng tù; bị cáo Trần Thị Ngọc M từ 24 đến 27 tháng tù.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C2 từ 09 đến 12 tháng tù

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý về vật chứng và án phí.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo và các bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại cùng các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở chứng minh: Từ ngày 30/10/2020 đến ngày 10/11/2020, Lại Văn C cùng Trần Thị Ngọc M đã thực hiện 03 hành vi trộm cắp tài sản tại phường Q, thành phố T của chị Nguyễn Thị H 01 xe mô tô BKS 36B5- 532.42, trị giá 11.000.000đ; trộm cắp của chị H Thị G: 01 chiếc xe mô tô BKS 36B3-491.43 trị giá 9.000.000đ và 02 chiếc đồng hồ thông minh trị giá 1.980.000đ, tổng là 10.980.000đ; ngoài ra C, M và C2 trộm cắp của chị Nguyễn Thị N 01 chiếc xe mô tô BKS36 B5 -392.24 trị giá 13.000.000đ. Như vậy, tổng giá trị tài sản C, M trộm cắp 03 vụ là: 34.980.000đ. C2 phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 01 vụ với giá trị tài sản là 13.000.000đ.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của Lại Văn C, Trần Thị Ngọc M, Nguyễn Văn C2 có đủ các dấu hiệu cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án: Lợi dụng chủ sở hữu tài sản sơ hở trong việc quản lý tài sản, các bị cáo đã nhanh chóng lén lút chiếm đoạt tài sản rồi tẩu thoát. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những đã xâm phạm đến trật tự trị an nói chung mà còn xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân nói riêng, do đó cần được xử lý nghiêm minh.

[4] Vai trò và trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Trong vụ án này, các bị cáo tuy có bàn bạc thống nhất trước với nhau nhưng không có sự câu kết chặt chẽ để thực hiện tội phạm nên là đồng phạm giản đơn. Bị cáo C có vai trò chính vì là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp. Bị cáo M và bị cáo C2 có vai trò đồng phạm đều là người C giới, giúp sức cho bị cáo C nhưng bị cáo M có vai trò cao hơn bị cáo C2 vì còn thực hiện 02 hành vi trộm cắp khác và là người đăng tin tìm người tiêu thụ tài sản trộm cắp. Do bị cáo C có vai trò chính nên có mức án cao nhất, thứ hai là bị cáo M và bị cáo C2 có mức án thấp nhất là phù hợp.

Bị cáo C và bị cáo M thực hiện 03 hành vi trộm cắp tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS là phạm tội 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo nên khi áp dụng hành phạt cần căn cứ điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Tình tiết giảm nhẹ riêng cho bị cáo C và M là đầu thú; cho bị cáo M là có mẹ được tặng huy chương vì sự nghiệp xây dựng theo khoản 2 Điều 51 BLHS. Tình tiết giảm nhẹ riêng cho bị cáo C2 là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS.

Với tính chất của vụ án thì việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị H và chị H Thị G đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì thêm nên công nhận phần dân sự giữa các bị cáo và chị H, chị G đã được giải quyết xong.

Tài sản các bị cáo chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị N trị giá 13.000.000đ, chị N yêu cầu các bị cáo phải bồi thường. Xét việc yêu cầu bồi thường của chị N là có cơ sở nên buộc các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường. Căn cứ tại khoản 1 Điều 48 BLHS và Điều 589 BLDS.

Số tiền bán xe của chị N các bị cáo chia nhau để sử dụng, do đó buộc mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị N 4.330.000đ (làm tròn số) là phù hợp.

[6] Về vật chứng: Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen BKS 36F1-050.44, đăng ký chủ sở hữu là của bị cáo C2 và chiếc điện thoại Nokia đen trắng của C các bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước; Đối với 01 bộ vạm phá khóa bằng kim loại màu đen, hình chữ L thu của bị cáo C không có giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy. Căn cứ khoản 1, điểm a,c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS (đối với bị cáo C, M).

Khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS (đối với bị cáo C2).

Khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Lại Văn C, Trần Thị Ngọc M, Nguyễn Văn C2 phạm tội “Trộm cắp tài sản.

Xử phạt:

- Bị cáo Lại Văn C 27 (hai bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/11/2020.

- Bị cáo Trần Thị Ngọc M 24 (hai bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ trước từ ngày 13/11/2020 đến ngày 19/11/2020.

- Bị cáo Nguyễn Văn C2 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận phần dân sự giữa bị cáo C, bị cáo M với bị hại là chị Nguyễn Thị H và chị H Thị G đã được giải quyết xong.

Buộc các bị cáo Lại Văn C, Trần Thị Ngọc M và Nguyễn Văn C2 liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Thị N 13.000.000đ, cụ thể: mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị N là 4.333.000đ (được làm tròn số).

Về vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy 01 van phá khóa đầu hình lục giác, gắn tay công hình chữ L, bên ngoài quấn băng dính màu đen.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước gồm: 01 điện thoại di động Nokia màu đen, gắn 02 thẻ sim, điện thoại bị vỡ nát và bong màn hình trước (điện thoại đã cũ không kiểm tra chất lượng máy móc bên trong) và 01 xe máy Yamaha Sirius màu đỏ đen BKS 36F1- 050.44, số khung C630BY579378, số máy 5C63579426. Xe bị vỡ yếm trước bên phải, bị vỡ đèn bong đèn hậu phía sau. Xe cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy móc bên trong.

Toàn bộ vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng số 114/THA ngày 09/3/2021).

Án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST và 300.000đ án phí DSST

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị N có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu các bị cáo không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải trả lãi đối với số

tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án đối với khoản tiền án phí theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;
- TAND tỉnh TH
- VKD ND tỉnh TH
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Thủy